

TỪ THIÊN TÍNH NỮ ĐẾN Ý THỨC KHẲNG ĐỊNH BẢN NGÃ TRONG TRUYỆN NGẮN BÍCH NGÂN ĐẦU THẾ KỈ XXI

Dương Thị Hải Yến

Trường THCS và THPT Việt Trung, Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Trị

Email: duongtrieuanh997@gmail.com

Ngày nhận bài: 10/11/2025; ngày hoàn thành phản biện: 11/12/2025; ngày duyệt đăng: 20/3/2026

TÓM TẮT

Bài viết tập trung phân tích hành trình chuyển dịch từ thiên tính nữ đến ý thức khẳng định bản ngã trong truyện ngắn của Bích Ngân đầu thế kỷ XXI, dưới góc nhìn diễn ngôn giới. Thông qua việc khảo sát và phân tích hệ thống hình tượng nữ trong một số truyện ngắn tiêu biểu, nghiên cứu cho thấy sự chuyển biến rõ nét từ việc khắc họa những phẩm chất nữ tính truyền thống sang tiếng nói tự chủ và khát vọng giải phóng bản ngã của người phụ nữ hiện đại. Từ đó, bài viết góp phần lý giải những thông điệp nhân văn mà Bích Ngân gửi gắm về vị thế và thân phận phụ nữ trong bối cảnh văn hóa còn chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của tư tưởng trọng nam và khi bình đẳng giới vẫn chưa trở thành giá trị phổ quát.

Từ khóa: Bích Ngân, bản ngã nữ giới, diễn ngôn giới, thiên tính nữ, nữ quyền.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đầu thế kỷ XX, tiếng nói nữ quyền ở Việt Nam đã vang lên mạnh mẽ trên các diễn đàn báo chí ba miền Bắc – Trung – Nam, cũng như trong sáng tác văn học và các hoạt động xã hội. Mặc dù do bối cảnh chiến tranh kéo dài, phong trào nữ quyền ở Việt Nam không phát triển rầm rộ và toàn diện trên các phương diện chính trị, kinh tế và văn hóa như ở một số quốc gia phương Tây, nhưng khát vọng về bình đẳng giới chưa bao giờ vắng mặt trong đời sống xã hội và văn học nước nhà. Bước sang đầu thế kỷ XXI, trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và khi sáng tác – phê bình văn học giới đã trở thành một khuynh hướng mang tính toàn cầu, nhiều nhà văn nữ Việt Nam đã định hướng sáng tác của mình gắn với tiếng nói nữ quyền và ý thức khẳng định bản sắc giới. Khuynh hướng này xuất phát từ nhu cầu tự khẳng định tiếng nói, vị thế và bản ngã của phụ nữ, đồng thời phản ánh những biến chuyển mạnh mẽ trong nhận thức xã hội về vấn đề bình đẳng giới đương đại. Trong số những cây bút tiêu biểu cho khuynh hướng này,

Bích Ngân – tác giả của các tập truyện ngắn *Truyện ngắn Bích Ngân, Làn gió hôm qua, Người đàn bà bơi trên sóng, Bông bênh thiên sứ, Đường đến cây cô đơn* – là một trong những gương mặt nổi bật.

2. NỘI DUNG

Bắt nguồn từ phong trào đấu tranh nữ quyền, khuynh hướng “văn học giới” không chỉ dừng lại ở việc tái hiện hình ảnh người phụ nữ, mà còn hướng đến khẳng định quyền bình đẳng giới, vị thế tính giới và tiếng nói bản sắc của họ trong xã hội hiện đại. Khác với “giới tính” (sex) mang tính sinh học, “giới” (gender) là một phạm trù xã hội – văn hoá được kiến tạo thông qua quá trình tương tác, học tập, lao động và trưởng thành của con người. Văn học giới vì thế trở thành một dòng chảy văn chương tập trung phân tích, chất vấn và kiến tạo những vấn đề liên quan đến giới trong đời sống và trong nghệ thuật. Dưới ảnh hưởng của lý thuyết nữ quyền và diễn ngôn hậu hiện đại, văn học giới hình thành từ nhu cầu khẳng định nhân vị và bản ngã của người phụ nữ, đồng thời kiến tạo một trường diễn ngôn mới nơi các cây bút – đặc biệt là nữ giới – có thể giải phóng tiếng nói bị kìm nén qua nhiều thế kỷ.

Ngay từ khi Simone de Beauvoir đặt những viên gạch đầu tiên cho văn học viết về nữ quyền thì nhân loại đã bắt đầu có những sự thay đổi mới, một trong những cú “hích” mạnh mẽ chính là sự xuất hiện của những cây bút nữ viết về phụ nữ. Làn sóng đấu tranh cho nữ quyền từ phương diện văn chương lan rộng đến Việt Nam và ngay lập tức được hưởng ứng tích cực. Là một cây viết dành cả cuộc đời để nói về đàn bà, dễ hiểu khi Y Ban đã tạo nên cho mình một hệ thống các sáng tác mới mẻ, độc đáo và ghi dấu ấn với người đọc trên hành trình tìm kiếm lại nhân vị phụ nữ. Đấu tranh nữ quyền bắt đầu tại Pháp với sự nổ ra ba làn sóng lớn. Nếu làn sóng đấu tranh thứ nhất hướng tới đòi quyền công dân, đòi địa vị xã hội, mong muốn được đi bầu cử; làn sóng thứ hai hướng tới quyền tự do thân thể, tự do trong vấn đề tình dục, đặc biệt quyền nạo phá thai thì làn sóng thứ 3 tiếp nối và khẳng định quyền thân thể, đi vào phạm trù phương diện diễn ngôn. Dùng ngôn ngữ để giải phóng nữ giới, đi tìm nguyên nhân vì sao có sự bất bình đẳng trong xã hội. Song hành với văn học giới là khái niệm “diễn ngôn giới,” một thuật ngữ mới mẻ nhưng có ý nghĩa lý luận sâu sắc. Diễn ngôn giới có thể xem như hệ quả tất yếu của văn học giới, phản ánh cách thức phụ nữ sử dụng ngôn ngữ, hình tượng và cấu trúc tự sự để định vị kinh nghiệm giới của mình. Theo M. Bakhtin, mỗi thời đại và mỗi cộng đồng xã hội đều kiến tạo những hình thức diễn ngôn riêng nhằm tổ chức đời sống tư tưởng. Xét từ hướng tiếp cận này, diễn ngôn trở thành thuật ngữ liên ngành, giàu tính hệ thống, có thể được phân loại đa dạng tùy theo mục đích và phạm vi nghiên cứu. Vận dụng lý thuyết diễn ngôn vào nghiên cứu văn học, có thể nhận thấy các nhà văn nữ Việt Nam đương đại đã triển khai nhiều dạng thức diễn ngôn khác nhau – như diễn ngôn thân thể, diễn ngôn tính dục, diễn ngôn trinh tiết, diễn ngôn thân

phận—mà trong bài viết này được quy chiếu chung dưới khái niệm “diễn ngôn giới.” Nhờ đó, họ khẳng định tiếng nói và vị thế của phụ nữ trong đời sống xã hội đương đại.

Bích Ngân là một trong những cây bút nắm bắt nhạy bén những chuyển động trong xã hội. Truyện ngắn của bà không chỉ phản ánh đời sống của người phụ nữ trong bối cảnh chịu sức ép từ kinh tế thị trường, gia đình và các thiết chế xã hội, mà còn mở ra những không gian nội tâm đa tầng, nơi nhân vật nữ tự đối thoại về phẩm chất, giá trị và cái tôi bản ngã. Xuất phát từ nền tảng thiên tính nữ và những cảm thức truyền thống, các nhân vật nữ của Bích Ngân đồng thời cất lên tiếng nói phản biện, nỗ lực thoát khỏi những khuôn mẫu định kiến để khẳng định quyền sống như những cá thể độc lập. Chính điều đó khiến truyện ngắn của Bích Ngân trở thành một diễn ngôn đáng chú ý trong việc khắc họa hình mẫu phụ nữ đầu thế kỷ XXI—những con người không chỉ biết cảm nhận và hy sinh, mà còn dám lựa chọn, đối diện và xây dựng một đời sống tinh thần mang dấu ấn riêng của mình.

2.1. Thiên tính nữ và khát vọng làm mẹ – nền tảng bản ngã của phụ nữ

Thuật ngữ thiên tính nữ thường chỉ sự gắn bó mật thiết những phẩm chất mang tính tự nhiên và đời sống tinh thần của người phụ nữ, như sự dịu dàng, lòng cảm thông, bản năng chăm sóc, che chở và thiên tính làm mẹ. Khi miêu tả nhân vật nữ, các nhà văn không chỉ khẳng định những giá trị mang tính truyền thống, những điều vốn có của người nữ, mà còn qua đó gửi gắm những thông điệp về quyền được yêu thương và được tôn trọng. Trong truyện ngắn của Bích Ngân đầu thế kỷ XXI, hình tượng nhân vật nữ xuất hiện hết sức đa dạng. Một trong những điểm nổi bật ở sáng tác của bà là thiên tính của phụ nữ. Ở nhiều tác phẩm của bà, người đọc có thể thấy được hình tượng người phụ nữ khát khao cháy bỏng được làm vợ, làm mẹ nhưng thường gặp phải sự lạnh nhạt, vô cảm của những người đàn ông ích kỷ, bất toàn. Trong truyện *Ba người đàn bà*, tác giả đã khắc họa một cách tinh tế hình tượng người phụ nữ có phẩm tính làm mẹ qua nhân vật Quyên và người mẹ của cô. Bích Ngân đặt nhân vật vào trong những tình huống ám ảnh và xung đột. Ở Quyên, khát vọng làm mẹ thể hiện qua nỗi đau xót mỗi lần cô bị sảy thai. Nỗi đau thể xác lẫn tinh thần của người phụ nữ hiếm muộn cho thấy làm mẹ không chỉ là một mong muốn mà nó còn day dứt, đau đớn như một vết thương, một sự giày vò dai dẳng đối với thân phận. Trong câu “Một lần sảy bằng bảy lần đẻ” mà bà Lê nói với Quyên đã xác nhận cái giá khủng khiếp của sự mất mát. Nó đồng thời là một lời khẳng định rằng thiên tính làm mẹ chính là sợi dây neo giữ ý nghĩa tồn tại của người phụ nữ. Quyên qua bốn lần mất con đã rơi vào trạng thái hoảng loạn, cô càng khát vọng làm mẹ mãnh liệt bao nhiêu thì sự bất lực càng giày vò lấy bản thân bấy nhiêu. Bích Ngân còn đặt nhân vật vào sự đối diện với những cảnh tượng đối nghịch để bộc lộ nỗi đau tột cùng của thân phận nữ giới. Quyên nhìn những người đàn bà được chồng chăm chút, yêu thương, dịu dàng mà chạnh lòng. Đặc biệt hình ảnh người phụ nữ trẻ tựa vào đôi vai vạm vỡ của chồng là một trong những biểu tượng của hạnh phúc khi chuẩn bị chào đón đứa con sắp ra đời. Sự đối lập ấy đã làm nổi bật lên tình cảnh bi kịch của

Quyên. Trong truyện, người mẹ của Quyên cũng là một hình tượng nhân vật nữ đáng chú ý. Bà là một người phụ nữ từng trải qua nỗi đau vì bị chồng phản bội nhưng bà đã đứng lên một cách bản lĩnh và dành hết tình yêu thương cho con cái. Đức hy sinh cao cả ấy đã khiến bà trở thành một người mẹ, vừa mạnh mẽ, vừa bao dung, có khả năng gồng gánh cả gia đình.

Trong *Biển không có hoa hồng*, Thúy là người phụ nữ giàu tình mẫu tử. Trong một lần bên Trí, người đàn ông cô yêu, Thúy đã từng thổ lộ: “Em muốn có một đứa con”. Đây không chỉ là một mong muốn cá nhân mà nó còn là khát vọng sâu xa về một mái ấm gia đình, nơi tình yêu được cụ thể hóa bằng sự hiện diện của một sinh linh. Nhưng trái ngược với người phụ nữ mang bản năng giới, người đàn ông buông ngay câu đáp thật dửng dưng: “Làm cha làm mẹ đâu có dễ. Vói lại anh không muốn bị ràng buộc!” [4, tr.42]. Câu trả lời ấy đã phủ lên khát vọng của Thúy một đám mây hết sức u tối. Đối với Trí, tình yêu chỉ là một cuộc rong chơi còn với Thúy thì hoàn toàn ngược lại, tình yêu gắn liền với trách nhiệm tạo nên hạnh phúc bền chặt của nam và nữ. Sự vênh lệch trong quan niệm về hạnh phúc đã khiến cho hành trình tìm kiếm hạnh phúc của Thúy trở nên mờ mịt. Ở đây, Bích Ngân muốn nói đến bi kịch của nữ giới trong tình yêu, khi người phụ nữ thường hướng đến mái ấm, sự ràng buộc tích cực, còn đàn ông ngược lại, họ chỉ coi tình yêu như thú vui ngắn hạn. Bi kịch của Thúy chính là bi kịch chung của những người phụ nữ khát khao hạnh phúc gia đình nhưng phải đối diện với sự vô trách nhiệm và ích kỷ từ phía người đàn ông

Làm mẹ là một thiên tính, một mong ước lớn lao đối với người phụ nữ. Trong tác phẩm *Bông bành thiên sứ*, Thi là hình ảnh đại diện cho người phụ nữ trẻ khi đang yêu đã tưởng tượng đến ngày cưới và khát khao được sinh con: “Sắp được làm mẹ, cảm giác đó, khao khát đó căng lên trong mỗi tế bào, mỗi mạch máu của Thi” [6, tr.89]. Việc thay đổi với cơ thể như bầu vú căng lên đã khiến Thi cảm nhận rõ rệt niềm hạnh phúc nguyên sơ của việc làm mẹ. Nhưng khát vọng ấy nhiều lần bị Khả - người đàn ông cô yêu ngăn trở. Khả luôn tìm mọi lý do, để buộc Thi phải phá thai như “Anh chưa có sự chuẩn bị để làm cha”, “anh sợ sự nhàm chán của cuộc sống lứa đôi”, “anh sợ chúng không lành lặn” [6, tr.89]. Nỗi đau của Thi là nỗi đau của người phụ nữ buộc phải từ chối bản năng làm mẹ, bị tước đoạt đi quyền cư mang sinh linh của chính mình. Đặc biệt khi nghe Khả dùng từ “giải quyết”, Thi ghê sợ và tuyệt vọng: “Tai Thi nổ lũng bùng. Cô thấy ghê sợ và căm ghét hai từ giải quyết” [6, tr.89]. Với Thi, con cái không phải là trò chơi tình dục mà là kết tinh của tình yêu. Chi tiết Thi “bước ngược ra cổng, thấy trào thương cái sinh linh đang bám chặt máu thịt mình” [6, tr.89] chính là một bước ngoặt của nhân vật nữ, từ chỗ buộc phải tuân phục Khả, Thi bắt đầu lựa chọn quyền được làm mẹ, quyền giữ lại giọt máu của chính mình. Hành động này không chỉ là sự thức tỉnh cá nhân mà nó còn là tiếng nói của nữ quyền, khẳng định rằng người phụ nữ hoàn toàn có quyền làm chủ số phận, hoàn toàn quyết định thiên chức làm mẹ.

2.2. Tình yêu, hạnh phúc và hành trình khẳng định nữ quyền

Trong truyện ngắn của Bích Ngân đầu thế kỷ XXI, tình yêu và hạnh phúc luôn song hành xuất hiện như những mạch ngầm vừa dịu dàng vừa đầy giằng xé. Người phụ nữ trong sáng tác của bà không chỉ là đối tượng của tình yêu mà còn là chủ thể của khát khao hạnh phúc. Với *Biển không có hoa hồng*, nhân vật Thúy là người phụ nữ hiện đại, tinh táo, khao khát yêu nhưng phải đối diện với những giới hạn nghiệt ngã của đời sống tình cảm. Ngay từ đầu Thúy đã “không rời mắt khỏi mấy người bạn còn nghịch sóng” [4, tr.42] nhưng thực ra là để nhìn vào chính mình – một người phụ nữ lạc lõng giữa đám đông. Bên trái cô là Liên – một phụ nữ “xinh đẹp, bướng bỉnh có tiếng” nhưng sau khi lấy chồng đã trở thành vật sở hữu: “Em không mặc áo hai mảnh đó chớ?... nhớ đừng bẹo da bẹo thịt trước thiên hạ!” [4, tr.43] (lời chồng Liên). Nhìn cảnh ấy, Thúy chua chát thốt lên trong lòng: “Thật may cho mình!” – một câu nói tưởng nhẹ nhàng nhưng ẩn chứa cả sự tinh táo lẫn nỗi lo lắng: liệu tình yêu có thực sự mang lại hạnh phúc cho phụ nữ, hay chỉ là sự giam hãm dưới danh nghĩa hôn nhân? Bên phải Thúy là Quỳnh, người có chồng là “kẻ thụ hưởng”, chỉ biết sai khiến vợ: “Lát nữa về, cô bảo Quỳnh tìm mua một ít mực phơi sương, một ít ghe, nhớ lựa loại thật ngon; à có ghé Cora mua mấy lạng phô mai Pháp...” [14, tr.43]. Cuộc điện thoại cho thấy, những người đàn ông ở đây khi gọi điện cho vợ không có gì khác ngoài “truyền đạt mệnh lệnh” phục vụ chồng. Thúy hình dung ngay “chân dung một kẻ thụ hưởng”, để rồi tự thấy may mắn khi bản thân chưa rơi vào hoàn cảnh đó. Thúy là người phụ nữ tinh táo, có khả năng nhận diện những bất công về giới ẩn trong đời sống tình yêu – hôn nhân. Cô khao khát một tình yêu chân thật, một hạnh phúc giản dị nhưng đích thực. Điểm nhấn tư tưởng của truyện nằm ở chi tiết Thúy nhận dòng tin nhắn “Tặng em triệu đóa hoa hồng!” [4, tr.43] từ người chồng. Thúy cảm nhận, đó là lời hoa mỹ, sáo rỗng, không xuất phát từ trái tim. Với Thúy, điều cô cần không phải là những biểu tượng phô trương, mà là tình cảm chân thành. Cô tự nhủ: “Một triệu bông hồng, em đâu cần nhiều đến thế! Em chỉ cần một bông hồng, một bông hồng cho suốt cuộc đời!” [4, tr.47]. Đoạn văn thể hiện rõ quan niệm tình yêu của nhân vật nữ. Với Thúy, hạnh phúc không nằm ở sự xa hoa vật chất, mà ở những điều giản dị nhưng chân thành. Một câu nói “Anh nhớ em, anh cần em!” [4, tr.47] có giá trị hơn “triệu đóa hồng”, bởi đó là sự đồng cảm, là tình yêu chân thành. Đây cũng là một khía cạnh của tiếng nói nữ giới: phụ nữ có quyền đòi hỏi tình yêu chân thật, không màu mè, giả dối.

Tình yêu chỉ thực sự có giá trị khi nó song hành với trách nhiệm và sự sẻ chia, còn hạnh phúc của phụ nữ trước hết là quyền được sống với thiên tính làm mẹ và khát vọng đời thường. Trong *Bông bênh thiên sứ*, Thi yêu Khả hết lòng, đến mức “như con mèo ngoan, cô thu hết móng vuốt... sợ mất cái cảm giác được yêu” [5, tr.89]. Ở đây tình yêu trở thành một thứ ma lực khiến Thi bị tổn thương, chấp nhận hy sinh chỉ để giữ lấy cái cảm giác được yêu. Nhưng càng yêu Thi càng nhận ra sự hời hợt của Khả. Khi Thi hỏi “Anh có yêu em?”, Khả đáp lại bằng sự sùng sộ: “Không yêu mà như thế này à?” [5,

tr.90]. Với Thi, yêu nghĩa là cùng chia sẻ trách nhiệm. Với Khả, yêu chỉ dừng lại ở cảm giác thể xác. Sự khác biệt trong quan niệm tình yêu đã biến tình yêu của Thi thành một cuộc ngộ nhận: “Em từng tin mình được yêu... nhưng hình như em ngộ nhận. Đường như anh chỉ yêu cảm giác của anh” [5, tr.92]. Thi mong muốn một hạnh phúc giản dị: có tình yêu, có đứa con. Nhưng Khả chỉ đem đến cho cô những lời hứa hẹn: “Được, mình sẽ có con nhưng để lần sau!” [5, tr.92]. Từ “lần sau” là một cách trì hoãn, thoái thác trách nhiệm. Bi kịch của Thi cũng là bi kịch của nhiều người phụ nữ hiện đại khi khát vọng hạnh phúc bị treo lơ lửng, biến thành sự giằng co tâm lý. Khoảnh khắc Thi quyết định rời bệnh viện, lén giữ lại đứa con cũng là lúc cô chọn cho mình con đường tự giành lấy hạnh phúc thay vì trông chờ vào những người đàn ông vô tâm. Hạnh phúc của Thi không phải là sự lệ thuộc vào tình yêu của Khả mà là sự trở về với bản năng làm mẹ, với quyền được sống đúng với chính mình. Quan niệm về tình yêu và hạnh phúc ở đây chính là tình yêu không chỉ là cảm giác về thể xác mà phải gắn với sự chia sẻ, tôn trọng và trách nhiệm. Nhân vật Thi là biểu tượng cho người phụ nữ hiện đại với khao khát làm mẹ, với quyền kiểm tìm tình yêu và hạnh phúc nhưng bi kịch ở chỗ tình yêu mà cô bám víu lại chính là một trong những nguyên nhân tước đoạt đi hạnh phúc của đời cô. Sự thức tỉnh của Thi khi giữ lại đứa con cho thấy sự chuyển đổi vị thế lệ thuộc sang vị thế chủ động, khẳng định bản ngã của nữ giới.

Cùng nói về hạnh phúc và hành trình khẳng định quyền cho phụ nữ nhưng trong *Cái rùng mình của vũ trụ*, Hạnh - một người phụ nữ khao khát tình yêu lại phải đối diện với giới hạn, phải định nghĩa lại hạnh phúc trong mối quan hệ với con gái. Ở tuổi trung niên, Hạnh vẫn khát khao được yêu, khát khao được quan tâm, khát khao có một tình cảm nồng nàn để lấp đi sự cô đơn. Mối quan hệ với Tú mang lại cho cô niềm tin: “Không chỉ quyến luyến, với em là định mệnh” [4, tr.78]. Với Hạnh, tình yêu đến muộn nhưng có ý nghĩa sống còn. Cô tin rằng: “Ở đâu, lúc nào, trong cô cũng đầy ắp Tú” [4, tr.80]. Tuy nhiên, tình yêu ấy lại chất chứa nhiều bất an. Tú thường xuyên vắng bóng, “lúc nào Hạnh cần, Hạnh thảng thốt gọi là Tú ở đâu đó, mất hút” [4, tr.82]. Niềm hạnh phúc của Hạnh vì thế chỉ dựa vào tưởng tượng và chờ đợi. Tình yêu này không cho cô sự vững bền mà nó chỉ là những khoảnh khắc dạt dào và mong manh. Điều đáng nói là tình yêu với Tú cũng đưa tới khoảng cách giữa Hạnh và cô con gái. Khi quá say mê tình cảm riêng, con gái trở nên xa mẹ, “cả cái ghiền được ôm mẹ khi ngủ nó cũng cố chịu”. Như vậy, tình yêu của Hạnh mang tính hai mặt: vừa đem lại hứng khởi sống, vừa gây ra những đứt gãy trong hạnh phúc gia đình. Bên cạnh tình yêu với Tú, Hạnh còn đau đầu đi tìm hạnh phúc cho mình. Cô sợ thứ hạnh phúc tận hiến của mẹ mình: “Cô sợ thứ hạnh phúc của kẻ tận hiến, thứ hạnh phúc không rõ hình hài” [4, tr.82]. Do đó, Hạnh khao khát một hạnh phúc cụ thể, “cần cái cảm giác hạnh phúc như cần không khí để thở”. Nhưng trong thực tế, hạnh phúc lại được tái định nghĩa qua mối quan hệ mẹ - con. Khi hai mẹ con cùng vượt qua đêm mưa bão, Hạnh nhận ra: “Rất dịu dàng cô cảm nhận cái hình hài máu thịt đang ôm riết mình và đang thuộc về mình. Cũng rất dịu dàng, tình

mẹ con ấm áp miên man lan tỏa và lấn át tất cả: cô đơn, tuổi tác, bệnh tật, sự lãng quên” [4, tr.82]. Hạnh chột hiểu hạnh phúc đích thực có thể không đến từ một người đàn ông, mà từ sự gắn kết tình mẫu tử thiêng liêng. Nhân vật nữ gắn với tình yêu và hạnh phúc trong truyện ngắn của Bích Ngân vừa có nét giống với các nhân vật trong tác phẩm của Nguyễn Thị Thu Huệ, Nguyễn Ngọc Tư ở sự kín đáo, sâu thẳm; vừa có nét bản lĩnh, quyết liệt, có lúc gai góc, cá tính như nhân vật trong truyện ngắn của Y Ban. Điều này đã góp phần làm phong phú thêm diện mạo văn học nữ đương đại, đồng thời gợi mở những vấn đề có tính nhân văn: phụ nữ có quyền yêu, quyền mưu cầu hạnh phúc và quyền được sống cho chính mình.

2.3. Giải phóng tính dục và ý thức khẳng định bản ngã

Truyện ngắn Bích Ngân đầu thế kỷ XXI đặt người đọc trước thế giới nhân vật nữ mới với những trải nghiệm và cảm xúc phức tạp về đời sống tình dục, có thể kể đến như: *Đất không cưu mang*, *Trăm năm cô đơn*, *Những chiếc lông cò*, *Trái tim búồng bình*,... Nhân vật của bà không chỉ là biểu tượng của tuổi trẻ, mà còn là hình mẫu của người phụ nữ có ý thức về quyền kiểm soát cơ thể và nhu cầu cảm xúc, trong đó có nhu cầu tính dục. Trong *Đất không cưu mang*, Sáu Lê hiện lên như một hình tượng đầy thách đố về bản lĩnh phô diễn tính dục của nữ giới. Nhân vật được mô tả với sự mạnh mẽ về thể chất và tâm lý, có ý thức phô diễn không giấu giếm những ham muốn của mình - điều khác biệt với các nhân vật nữ trong văn học truyền thống. Ngay từ đầu, Sáu Lê được giới thiệu với ngoại hình và hành vi khêu gợi: “Người đàn bà (...), dù giữa trưa gay gắt nắng cũng xắn hai ống quần thật cao, bộ ngực trêu ngươi, lúc la lúc liu” [6, tr.23]. Sáu Lê còn hiện lên như một người phụ nữ chủ động trong mối quan hệ với đàn ông, cô không chấp nhận sự lệ thuộc hay cam chịu. Cô khẳng định quan niệm sống thực tế và trực tiếp: “Con cái làm khi gì cho mệt. Tôi chỉ cần cây gậy của đàn ông!” [6, tr.23]. Câu nói này thể hiện một triết lý sống cá nhân, nơi tính dục không bị ràng buộc bởi vai trò làm mẹ hay nghĩa vụ gia đình. Nhu cầu sinh lý của cô không chỉ là ham muốn thể xác mà còn là phương tiện khẳng định quyền năng và cá tính riêng. Sáu Lê là hình mẫu phụ nữ chủ trương tìm kiếm sự thỏa mãn cá nhân, không chịu khuất phục trước áp lực hôn nhân hay kỳ vọng của xã hội, lựa chọn lối sống theo tự nhiên. Hành vi và cách thức tương tác của Sáu Lê với đàn ông cũng phản ánh nhu cầu tính dục một cách bản năng. Sáu Lê ở đây hiện lên như một cá thể tự chủ về đời sống tình dục, không còn bị khuôn phép hay ràng buộc bởi chuẩn mực đạo đức của cộng đồng. Bản năng tính dục mạnh mẽ của nhân vật đã chi phối đến các mối quan hệ hôn nhân của nhân vật. Sáu Lê nhiều lần lấy chồng nhưng không người đàn ông nào duy trì tình cảm được lâu, và cô không che giấu bức tức khi nhận thấy sự yếu đuối của họ: “Ông ấy xiu quá!”. Đây thực ra là một trong những yếu tố quan trọng để duy trì hôn nhân theo quan điểm hiện đại nhưng trong xã hội cổ truyền, người ta ngại nói ra. Bích Ngân cho nhân vật của mình lần đầu lên tiếng cho điều này, đáng chú ý nó được phát ngôn từ một người phụ nữ. Tình dục không chỉ để duy trì nòi giống, tình dục còn duy trì hạnh phúc trong hôn nhân. Đây là thông điệp xuất phát từ

nhu cầu được nói lên của nữ giới. Nhân vật nữ gắn với nhu cầu tính dục trong truyện ngắn của Bích Ngân thường bộc lộ một cách kín đáo, hướng nội gần với kiểu nhân vật của Nguyễn Thị Thu Huệ, Phong Điệp và khác với nhân vật nữ tràn đầy năng lượng tính dục như một đòi hỏi chính đáng của con người trong sáng tác của Y Ban.

Trong hành trình đấu tranh nữ quyền, Bích Ngân hướng đến việc chuyển tải quan niệm bản ngã của nữ giới, khẳng định người phụ nữ có quyền được có không gian riêng tư của chính mình, không phải là không gian vật lý mà là không gian tinh thần. Trong *Trăm năm cô đơn*, nhân vật Yên hiện lên như một người phụ nữ có bản ngã mạnh mẽ, có ý thức khẳng định giới trong đời sống tinh thần và trong các mối quan hệ xã hội. Ngay từ khoảnh khắc cô biết tin nhà văn mình yêu thích nhất từ giã cõi đời, cô bần thần, mệt mỏi và phân vân không biết có nên tiếp tục hành trình dã ngoại, đi câu với chồng và bạn hay không. Cuối cùng cô đã khẳng định quyền được lựa chọn của mình trước những áp lực ngoại cảnh bằng lời từ chối: “Em không muốn đi!” dù bị chồng thúc giục. Hành động dứt khoát này không chỉ là cách tách rời chồng và bạn bè mà còn biểu thị nhu cầu cần một khoảng trống về sự tự do nội tại của người phụ nữ. Và nhờ thế, trong không gian rừng núi hoang sơ, Yên được thực sự trải nghiệm với thiên nhiên, cơ thể được xúc tiếp từng chi tiết với môi trường xung quanh – “Chiếc nón rộng vành không che được nắng. Bắp chân trần, cánh tay trần nóng ran” – từ đó nhận thức được sự hiện hữu trọn vẹn của mình trong thân xác và cảm xúc. Dấu ấn bản ngã của Yên còn được thể hiện trong mối quan hệ với văn hóa và tri thức. Cái chết của Gabriel Garcia Marquez – tác giả tiểu thuyết *Trăm năm cô đơn* - khiến cô xúc động sâu sắc. Cô đọc to dòng chữ trên iPad, trong khi những người xung quanh thờ ơ và bình luận hời hợt: “Quyển sách cũng xoay quanh chuyện giường chiếu. Anh không đọc nổi mười trang”, “Mất trí nhớ còn tệ hơn là chết!”. Điều này phản ánh sự khác biệt trong thế giới tinh thần của Yên và những người đàn ông nông cạn, dù họ là những người gần gũi với mình trong cuộc sống thường nhật. Lí do Yên chọn giá trị từ tri thức là vì niềm đam mê sách hơn những điều khác: “Sách làm Yên như được lấp đầy. Buông sách ra, nhân vật từ trang sách vẫn không rời bỏ cô. Họ quanh quẩn đâu đó, lắng nghe, sẻ chia và tường tận cả nỗi khao khát âm thầm” [7, tr156]. Không gian xã hội cũng trở thành nơi thử thách bản lĩnh nữ giới và quyền tự chủ của Yên. Khi đối diện với những gã đàn ông trong quán cà phê với câu hỏi: “Em nào đó? Khách!”, Yên không nhún nhường hay sợ hãi mà bình tĩnh quan sát, đồng thời biểu đạt bản năng tự vệ: “Yên thu người lại, tay kéo gấu váy che bớt phần bắp chân trần ửng nắng” [7, tr.156]. Nhìn chung, nhiều nhân vật nữ trong truyện ngắn của Bích Ngân là biểu tượng của người phụ nữ hiện đại, biết khẳng định bản ngã qua việc duy trì sự tự quyết, sự độc lập, có bản lĩnh đối diện với nỗi cô đơn và dám phản biện xã hội, có suy nghĩ tự lập trong đời sống riêng tư lẫn lựa chọn nghề nghiệp. Nhân vật không chỉ khẳng định giá trị của mình mà còn mở ra hình mẫu cho người phụ nữ hiện đại. Thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm: bản ngã là tài sản quý giá nhất của mỗi người và người phụ nữ hiện đại không ngừng tìm kiếm bảo vệ, tôn vinh bản ngã ấy.

3. KẾT LUẬN

Qua những truyện ngắn tiêu biểu của Bích Ngân đầu thế kỷ XXI, có thể thấy được hành trình thể hiện ý thức giới và nữ quyền trong sáng tác của Bích Ngân từ thiên tính nữ đến ý thức bản ngã của nữ giới. Bích Ngân đã mở rộng biên độ tiếng nói của người phụ nữ hiện đại: từ con người gắn với thiên chức làm mẹ đến những con người có ý thức tự chủ, dám lựa chọn và khẳng định bản ngã. Sự vận động này cho thấy văn xuôi của Bích Ngân nói riêng và văn xuôi nữ Việt Nam nói chung không chỉ dừng lại ở việc phản kháng mà đã bước sang giai đoạn tự chiêm nghiệm. Bích Ngân không dùng giọng điệu bạo liệt hay phê phán cực đoan, bà chọn con đường dung hòa giữa truyền thống và hiện đại, giữa trí tuệ và cảm xúc. Diễn ngôn giới trong truyện ngắn của bà vì thế cũng mang đậm tinh thần nữ quyền nhân văn, nơi phụ nữ không cần “thắng áp đảo” đàn ông mà chỉ cần được là chính mình. Từ thiên tính nữ - khởi nguồn của sự dịu dàng đến ý thức bản ngã - đỉnh cao của tự do tinh thần, thế giới nhân vật nữ của Bích Ngân đã cho thấy quá trình chiếm lĩnh và khẳng định bản lĩnh sáng tạo của các cây bút nữ trên hành trình hiện đại hóa văn học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Thái Phan Vàng Anh (2016), “Văn xuôi các nhà văn nữ thế hệ sau 1975 nhìn từ diễn ngôn giới” in trong sách *Thế hệ nhà văn sau 1975* (nhiều tác giả), Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, tr.189-200.
- [2]. Simone de Beauvoir (Nguyễn Trọng Định và Đoàn Ngọc Thanh dịch) (1996), *Giới nữ*, trang 11, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội.
- [3]. Mai Huy Bích (2009), *Giáo trình xã hội học giới*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [4]. Bích Ngân (2009), *Làn gió hôm qua* (tập truyện ngắn), Nxb. Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.
- [5]. Bích Ngân (2012), *Bông bênh thiên sứ* (tập truyện ngắn), Nxb. Văn học, Hà Nội.
- [6]. Bích Ngân (2004), *Truyện ngắn Bích Ngân* (tập truyện ngắn), Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [7]. Bích Ngân (2019), *Đường đến cây cô đơn* (tập truyện ngắn), Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- [8]. Robert J Stoller (1994), *Sex and Gender: The Development of Masculinity and Femininity*, Maresfield Library.
- [9]. Trần Đình Sử, Lê Bá Hán, Nguyễn Khắc Phi đồng chủ biên (2006), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

**FROM FEMALE NATURE TO SELF-ASSERTION:
A STUDY OF BICH NGAN'S EARLY 21ST-CENTURY SHORT STORIES**

Duong Thi Hai Yen

Viet Trung High School

Email: duongtrieuanh997@gmail.com

ABSTRACT

This article explores the transition from innate femininity to self-aware female subjectivity in the early twenty-first-century short stories of Bích Ngân, examined through the perspective of gender discourse. Through a survey and analysis of female characters in several representative works, the study identifies a notable shift from depictions of conventional feminine virtues toward expressions of autonomy and a growing desire for self-liberation among contemporary women. In this way, the article highlights the humanistic concerns conveyed in Bích Ngân's narratives regarding women's status and lived experiences within a cultural context that continues to be shaped by enduring patriarchal norms, where gender equality has not yet been fully realized.

Keywords: Bích Ngân, female selfhood, gender discourse, femininity, feminism.